NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 52/2026/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở và nội dung hoạt động của phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở và nội dung hoạt động của phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành điểm c khoản 5 Điều 21 và điểm c khoản 3 Điều 53 Luật Phát triển đô thị, bao gồm: điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận thành lập; khai trương hoạt động; thay đổi tên; thay đổi địa điểm đặt trụ sở; chấm dứt hoạt động và nội dung hoạt động đối với phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

cấp phép thành lập (sau đây gọi là chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

2. Phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt là phòng giao dịch được quản lý bởi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở ngoài trụ sở chi nhánh và trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt (sau đây gọi là phòng giao dịch).

2. Khu phi thuế quan trong khu kinh tế đặc biệt (sau đây gọi là khu phi thuế quan), khu thương mại tự do được xác định theo quy định tại Luật Phát triển đô thị và các văn bản hướng dẫn.

3. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập phòng giao dịch.

4. Thông tin về địa chỉ bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, email, website.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở, chấm dứt hoạt động; khai trương hoạt động; thay đổi tên; nguyên tắc lập, gửi và trả hồ sơ; thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh; công bố thông tin đối với phòng giao dịch

1. Thẩm quyền chấp thuận về thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở, chấm dứt hoạt động đối với phòng giao dịch:

a) Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét chấp thuận thành lập phòng giao dịch, bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch xem xét chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở (trừ quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư này), tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch.

2. Khai trương hoạt động phòng giao dịch; thay đổi tên phòng giao dịch thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

3. Nguyên tắc lập, gửi và trả hồ sơ; việc thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh; công bố thông tin của phòng giao dịch thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng

thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại và quy định tại Thông tư này.

Chương II

THÀNH LẬP, THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 5. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

Để được thành lập phòng giao dịch, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Giá trị thực của vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại tháng liền trước tháng đề nghị tối thiểu bằng 3.000 tỷ đồng.

2. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền trước năm đề nghị.

3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại các Điều 134, 135, 136 và khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

4. Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

5. Tại thời điểm đề nghị, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc (Giám đốc).

6. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

7. Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

Điều 6. Số lượng phòng giao dịch được thành lập

Mỗi chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập một (01) phòng giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam. Phòng giao dịch này phải đặt trụ sở trong khu thương mại tự do hoặc khu phi thuế quan.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Tổng Giám đốc (Giám đốc) ký đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập phòng giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc thành lập phòng giao dịch.

3. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập phòng giao dịch theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục chấp thuận thành lập phòng giao dịch

1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến đánh giá về sự cần thiết thành lập và sự phù hợp địa điểm đề xuất thành lập phòng giao dịch với quy hoạch khu thương mại tự do, khu phi thuế quan, nhu cầu phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến thành lập phòng giao dịch có ý kiến đánh giá về sự cần thiết thành lập phòng giao dịch trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập phòng giao dịch theo đối tượng giám sát an toàn vi mô có ý kiến về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 2 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham

gia của các cơ quan, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập phòng giao dịch, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải khai trương hoạt động phòng giao dịch. Quá thời hạn này mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 9. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch

1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trong khu thương mại tự do hoặc trong khu phi thuế quan nơi phòng giao dịch đang đặt trụ sở.

2. Hồ sơ thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch: văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Tổng Giám đốc (Giám đốc) ký đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trong địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Hiệu lực của văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch; việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch việc đáp ứng yêu cầu quy định tại yêu cầu về khai trương hoạt động phòng giao dịch; việc thực hiện thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động; việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

5. Trường hợp khu thương mại tự do được điều chỉnh ranh giới, chấm dứt hoạt động một phần hoặc khu phi thuế quan được thu hẹp theo quy định tại Luật Phát triển đô thị và văn bản hướng dẫn, dẫn đến địa điểm đặt trụ sở của phòng giao dịch không còn thuộc khu thương mại tự do, khu phi thuế quan:

a) Trước ngày địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch không còn thuộc khu thương mại tự do, khu phi thuế quan, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thay

đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về địa chỉ của phòng giao dịch, ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới của phòng giao dịch;

(ii) Việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại yêu cầu về khai trương hoạt động phòng giao dịch tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của phòng giao dịch cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố trên trang thông tin điện tử của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trụ sở phòng giao dịch các thông tin sau đây: tên, địa điểm cũ, địa điểm mới đặt trụ sở phòng giao dịch và các thông tin khác (nếu cần thiết);

b) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, phòng giao dịch phải chấm dứt hoạt động kể từ ngày địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch không còn thuộc khu thương mại tự do, khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 10. Hoạt động của phòng giao dịch

1. Phòng giao dịch được thực hiện các hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép thành lập do Ngân hàng Nhà nước cấp, trừ các hoạt động mà phòng giao dịch của ngân hàng thương mại không được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

2. Phòng giao dịch được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này đối với:

a) Nhà đầu tư nước ngoài tại khu thương mại tự do, khu phi thuế quan nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch theo quy định tại Luật Phát triển đô thị;

b) Doanh nghiệp có trụ sở chính và có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu thương mại tự do nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch hoặc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu phi thuế quan nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch theo quy định tại Luật Phát triển đô thị.

Chương IV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÒNG GIAO DỊCH

Điều 11. Đương nhiên chấm dứt hoạt động phòng giao dịch

1. Phòng giao dịch đương nhiên chấm dứt hoạt động khi khu thương mại tự do bị chấm dứt hoạt động toàn bộ hoặc khu phi thuế quan bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Luật Phát triển đô thị và văn bản hướng dẫn hoặc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Thông tư này. Chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản báo cáo Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch, trong đó nêu rõ lý do và thời điểm chấm dứt hoạt động.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Các trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động khác thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

Điều 12. Tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:

a) Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Tổng Giám đốc (Giám đốc) ký đề nghị chấm dứt hoạt động phòng giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.

2. Trình tự chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch; việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiến hành các thủ tục pháp lý để chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch và việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt

động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

Điều 13. Bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch

Việc bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của thông tin cung cấp tại hồ sơ.

2. Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

3. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch; báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động phòng giao dịch trên địa bàn.

4. Báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch về hoạt động của phòng giao dịch.

5. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của phòng giao dịch.

6. Thực hiện các trách nhiệm của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong chấm dứt hoạt động phòng giao dịch theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại về trách nhiệm của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch.

7. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của phòng giao dịch

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của phòng giao dịch trên địa bàn.

4. Có văn bản gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng đề nghị chấm dứt hoạt động phòng giao dịch khi thuộc một trong các trường hợp bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch.

5. Cung cấp thông tin liên quan đến tình hình hoạt động, thanh tra, kiểm tra, giám sát phòng giao dịch theo định kỳ hoặc khi phát sinh vấn đề cần phối hợp xử lý cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô.

Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô

1. Có ý kiến về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập phòng giao dịch thuộc đối tượng giám sát an toàn vi mô.

2. Trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp ngay thông tin này cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập phòng giao dịch quy định tại Điều 8 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch.

Điều 18. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Cung cấp thông tin về tình hình xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư này gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để xem xét chấp thuận thành lập phòng giao dịch.

2. Trong quá trình thanh tra phát hiện các trường hợp bắt buộc chấm dứt hoạt

động phòng giao dịch, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp ngay thông tin này cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

Điều 19. Trách nhiệm của các Vụ, Cục có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Văn phòng Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng tải các thông tin của phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại đối với phòng giao dịch của ngân hàng thương mại.

2. Các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung liên quan đến chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở phòng giao dịch theo chức năng, nhiệm vụ khi phát sinh.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 21;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, ATHT (03).

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TRONG KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO, KHU PHI THUẾ QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2026/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TÊN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*...., ngày... tháng.... năm....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TRONG KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO, KHU PHI THUẾ QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số chi nhánh ngân hàng nước ngoài/số Quyết định thành lập:

Số định danh của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có):

Cơ quan cấp: *Ngày cấp:*

Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: *Fax:*

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan như sau:

I. Phòng giao dịch đề nghị

1. Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

d) Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch:

a) Địa chỉ:

b) Khu thương mại tự do/Khu phi thuế quan:

3. Cơ cấu tổ chức:

4. Lý do thành lập:

II. Đánh giá việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng từng điều kiện để được thành lập phòng giao dịch trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan theo quy định

1. Giá trị thực của vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị:..... tỷ đồng và tại tháng liền trước tháng đề nghị: ..... tỷ đồng.

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

2. Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền trước năm đề nghị:..... tỷ đồng.

3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại các Điều 134, 135, 136 và khoản 1 Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong các tháng trong thời gian 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

Số liệu cung cấp:

- Dự phòng chung phải trích: .....

- Dự phòng chung thực trích: .....

- Dự phòng cụ thể phải trích: .....

- Dự phòng cụ thể thực trích: .....

5. Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ tại:

- Thời điểm 31 tháng 12 của năm liền trước năm đề nghị:

- Thời điểm ngày cuối cùng của tháng liền trước tháng đề nghị:

6. Tại thời điểm đề nghị, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đồng thời không bị khuyết Tổng Giám đốc (Giám đốc).

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

7. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ), cấp tín dụng trong thời hạn 12 tháng liền trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

8. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: …

III. Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ
(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TÊN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*...., ngày... tháng.... năm....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số chi nhánh ngân hàng nước ngoài /số Quyết định thành lập:

Số định danh của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có):

Cơ quan cấp: *Ngày cấp:*

Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: *Fax:*

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch như sau:

1. Tên phòng giao dịch:

2. Địa điểm hiện tại của phòng giao dịch:

3. Địa điểm dự kiến chuyển đến:

4. Lý do thay đổi địa điểm:

5. Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động đối với phòng giao dịch đã đi vào hoạt động

6. Cam kết việc đáp ứng yêu cầu quy định tại yêu cầu về khai trương hoạt động phòng giao dịch tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số ...../TT-NHNN ngày ....tháng ....năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7. Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ (Ghi danh mục tài liệu đính kèm)	**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI** *(Ký tên và đóng dấu)*

Phụ lục III

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số .52./TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TÊN CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*...., ngày... tháng.... năm....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN TỰ NGUYỆN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG PHÒNG GIAO DỊCH CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Mã số chi nhánh ngân hàng nước ngoài /số Quyết định thành lập:

Số định danh của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có):

Cơ quan cấp: *Ngày cấp:*

Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

Tên giao dịch đối ngoại (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: *Fax:*

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch như sau:

1. Tên phòng giao dịch đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động:

2. Địa chỉ phòng giao dịch đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động:

3. Lý do chấm dứt hoạt động:

4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

Đính kèm hồ sơ (Ghi danh mục tài liệu đính kèm)	**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI** *(Ký tên và đóng dấu)*